



## MARKET LENS

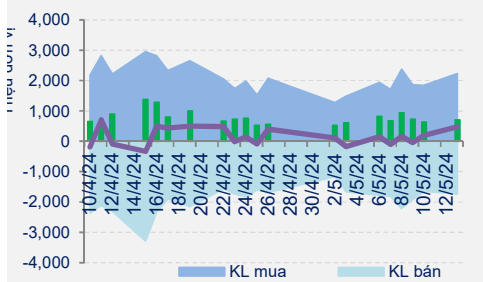
Phiên giao dịch ngày: 13/5/2024

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

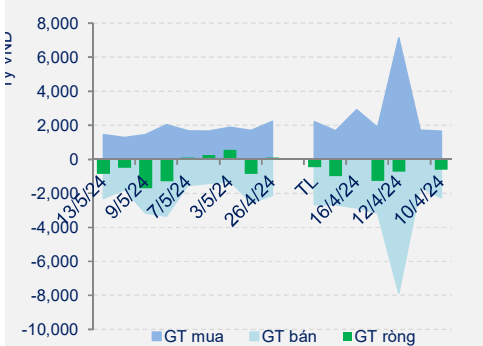
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,240.18	236.36
% Thay đổi	↓ -0.36%	↑ 0.29%
KLGD (CP)	699,359,670	80,287,218
GTGD (tỷ đồng)	17,184.82	1,675.25
Tổng cung (CP)	1,740,806,432	136,483,800
Tổng cầu (CP)	2,223,537,271	121,538,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	74,594,618	3,161,715
KL mua (CP)	46,607,409	1,252,363
GT mua (tỷ đồng)	1,442.07	45.76
GT bán (tỷ đồng)	2,294.93	125.76
GT ròng (tỷ đồng)	(852.87)	(80.00)

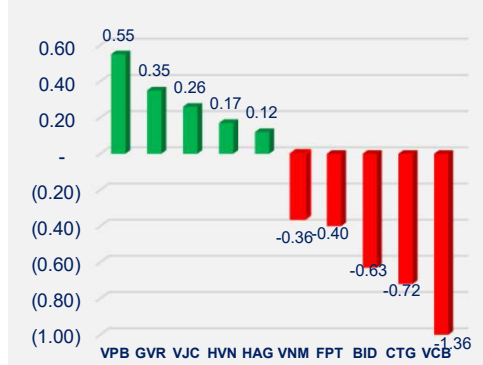
## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau tuần phục hồi tốt lên vùng 1.245 điểm -1.255 điểm tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023, VN-INDEX tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh tích lũy. Đầu phiên VN-INDEX tăng điểm lên vùng 1.250 điểm và chịu áp lực rung lắc điều chỉnh mạnh về vùng 1.230 điểm và phục hồi trở lại. Kết phiên VN-INDEX giảm 4,52 điểm (-0,36%) về mức 1.240,18 điểm, có 03 phiên liên tiếp giảm điểm. HNX-INDEX tích cực hơn tăng 0,68 điểm (+0,29%) lên mức 236,36 điểm. Thể hiện mức độ phân hóa của thị trường khi nhiều mã vẫn phục hồi tốt. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch khá cân bằng với áp lực điều chỉnh gia tăng mạnh hơn ở nhóm vốn hóa lớn với 302 mã giảm giá (07 mã giảm sàn), 308 mã tăng (25 mã tăng trần) và 132 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết chỉ đạt 18.850,52 tỉ đồng được giao dịch, dưới mức trung bình với khối lượng giao dịch trên VN-INDEX tăng 7,37% so với phiên trước, cho thấy áp lực bán ngắn hạn đang gia tăng mạnh hơn, tuy nhiên mức độ phân hóa với dòng tiền ngắn hạn vẫn có tín hiệu luân chuyển tốt. Khối ngoại tiếp tục bán bán ròng mạnh trở lại trên HOSE với giá trị 1.285,78 tỷ đồng, tập trung bán ròng ở nhóm cổ phiếu ngân hàng, bất động sản; bán ròng trên HNX với giá trị 80,0 tỉ đồng.

Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) đang đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 252 Luật Đất đai số 31/2024/QH15. Theo Dự thảo Tờ trình của Bộ TN&MT, mục đích nhằm xây dựng Nghị quyết của Quốc hội để cho phép Luật Đất đai số 31/2024/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2024, đưa Luật Đất đai sớm đi vào cuộc sống sẽ khơi thông nguồn lực đất đai, kịp thời giải quyết, xử lý dứt điểm các tồn đọng về đất.

Nhóm cổ phiếu bất động sản có diễn biến tương đối tích cực trong phiên hôm nay, mức độ tăng giá tốt chủ yếu tập trung vào các mã thị giá thấp, vốn hóa nhỏ như API (+9,30%), VHG (+9,09%), DRH (+6,95%), HQC (+6,75%), DLG (+5,05%)... ngoài chịu áp lực điều chỉnh mạnh với QCG (-6,73%), AAV (-6,06%), SJS (-4,19%), TCH (-2,15%)... Các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp cũng có diễn biến phân hóa, đa số biến động trong biên độ hẹp, thanh khoản dưới mức trung bình với ITA (+4,41%), D2D (+2,09%), GVR (+1,11%)...PHR (-1,52%), BCM (-1,40%), LHG (-1,16%)...

Thị trường có diễn biến giao dịch khá chậm trong cả phiên khi thanh khoản dưới mức trung bình, trong đó áp lực điều chỉnh đến từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn khi VN30 gặp kháng cự mạnh vùng giá cao nhất phiên giảm mạnh 15/04/2024 với nhóm mã ngân hàng có diễn biến kém tích cực khi đa số chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình như ABB (-2,53%), BVB (-2,44%), HDB (-1,90%), CTG (-1,67%)... ngoài các mã tăng điểm VBB (+1,75%), VPB (+1,62%), SHB (+0,43%)... Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến phân hóa mạnh với các mã phục hồi tăng giá tốt như APS (+8,77%), DSC (+6,20%), EVS (+2,78%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh nhẹ với BVS (-2,50%), TCI (-1,90%), APG (-1,37%)...

Các cổ phiếu nhóm điện, nước cũng có diễn biến khá tích cực, thanh khoản gia tăng khá tốt, nhiều mã hướng đến vùng giá đỉnh cũ và vượt lên như TDM (+3,19%), BWE (+2,25%)... KHP (+3,66%), REE (+1,5%), NT2 (+0,68%)... Nhóm cổ phiếu nông nghiệp, chăn nuôi cũng có diễn biến rất tích cực trong phiên hôm nay, nhiều mã vượt đỉnh cũ, thanh khoản đột biến, nổi bật với BAF (+6,99%), PAN (+4,02%), HAG (+3,79%), DBC (+1,63%)... Trong khi đó đa số các nhóm ngành còn lại biến động, tích lũy trong biên độ hẹp.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2405 giảm 4,4 điểm (-0,35%), chênh lệch âm -6,53 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm mạnh 32,12% so với phiên trước khi sẽ đáo hạn trong tuần này. Xu hướng ngắn hạn VN30F2405 tích lũy với hỗ trợ gần nhất quanh 1.262 điểm, giá cao nhất năm 2023. Kháng cự mạnh quanh 1.280-1.287 điểm, tương ứng giá cao nhất phiên giảm mạnh ngày 15/04/2024. Các kỳ hạn VN30F2406, VN30F2409, VN30F2412 chênh lệch âm từ -5,73 điểm đến -1,53 điểm so với VN30. Cả 04 kỳ hạn đều chênh lệch âm, mức độ thu hẹp cho thấy các trader đang nghiêng về khả năng VN30 sẽ điều chỉnh ngắn hạn, đang ưu tiên các vị thế các vị thế phòng ngừa rủi ro khi VN30 đang gặp vùng giá trước phiên giảm mạnh ngày 15/04/2024.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**


Thị trường tiếp tục diễn biến rung lắc và VN-Index trong phiên đã giảm về gần 1.230 điểm trước khi phục hồi trở lại, Vn-Index chốt phiên giảm 4,52 điểm (-0,36%) về 1.240,18 điểm. Mặc dù khối lượng khớp lệnh có tăng nhẹ so với phiên trước, tuy nhiên có thể thấy áp lực bán giá thấp vẫn chưa mạnh và sự phân hóa vẫn đang diễn ra giúp cho thị trường chưa tiêu cực sau 3 phiên giảm điểm liên tiếp. Nếu sớm bứt phá lên trên vùng kháng cự mạnh quanh 1.250 điểm với động lực tốt trong các phiên tới, Vn-Index vẫn còn khả năng hướng tới mốc xa hơn quanh vùng đỉnh gần nhất 1.300 điểm. Trong kịch bản kém tích cực, VN-Index sẽ có thể có nhịp điều chỉnh về các vùng giá thấp hơn.

Xu hướng trung hạn của chỉ số vẫn đang là dao động swing trong vùng tích lũy với kênh 1.150 điểm - 1.250 điểm sau nhịp giảm điểm mạnh vừa qua và diễn biến tích lũy dự báo sẽ có thể kéo dài. Hiện VN-Index đã tiệm cận với cản trên của kênh tích lũy nên cơ hội giải ngân trung hạn là không rõ ràng.

Vn-Index tiếp tục rung lắc quanh vùng kháng cự mạnh 1.250 điểm, nhà đầu tư ngắn hạn chỉ nên xem xét giải ngân nếu chỉ số bứt phá mạnh lên trên vùng kháng cự với kỳ vọng kiểm định trở lại vùng 1.280 điểm - 1.300 điểm hoặc có thể kiên nhẫn chờ đợi nếu VN-Index bước vào nhịp điều chỉnh. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và nên chờ nhịp điều chỉnh nếu muốn giải ngân thêm do mặt bằng giá hiện tại không còn quá hấp dẫn khi Vn-Index đang vận động ở vùng cản trên của kênh tích lũy.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

13/5/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
IDC	62.10	47-51	66-68	52	10.6	115.2%	370.4%	Theo dõi giải ngân
DPR	39.95	34.5-36.5	43-44	35	17.0	3.8%	-5.2%	Theo dõi giải ngân
CTD	67	59-62	78-80	57	35.2	-9.2%	265.9%	Theo dõi giải ngân
FPT	129.7	110-114	134-136	100	24.3	20.6%	20.4%	Theo dõi giải ngân
DCM	34.3	33-34	38.5-39	32	14.8	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
MSH	48.5	46.5-48	57-58	44	14.0	20.9%	51.0%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/4/2024	LHG	34.20	32	38-39	33	6.9%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	33.40	32.2	37-38	32	3.7%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	17.10	14.2	18-18.5	16.4	20.4%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	39.95	36.8	43-44	39	8.6%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	30.00	28.75	32-33	29	4.3%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	129.70	114.2	134-136	125	13.6%	Nắm giữ

## TIN VĨ MÔ

**Bộ Tài chính dự tính gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất gần 84.000 tỷ đồng trong năm 2024**

Sau khi hỗ trợ gần 770.000 tỷ đồng giai đoạn 2020 -2024, Bộ Tài chính tiếp tục đề xuất gia hạn nộp thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và tiền thuê đất trong năm 2024 ước tính tới gần 84.000 tỷ đồng. Cụ thể, đối với thuế GTGT, Bộ Tài chính đề xuất: gia hạn 5 tháng đối với số thuế GTGT của tháng 5, tháng 6/2024 đối với trường hợp nộp thuế GTGT theo tháng và quý 2/2024 đối với trường hợp nộp thuế GTGT theo quý... Theo tính toán của Bộ Tài chính, thực hiện theo phương án nêu trên, tổng số thuế GTGT gia hạn từ tháng 5 - 9/2024 và quý 2, quý 3/2024 là khoảng 52.400 tỷ đồng. Tuy nhiên, số thu ngân sách nhà nước của năm 2024 không giảm do doanh nghiệp phải thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước chậm nhất là ngày 31/12/2024.

**Giá vàng SJC biến động dữ dội, NHNN sẽ tiếp tục đấu thầu vàng miếng sáng 14/5 với hai thay đổi lớn**

Ngân hàng Nhà nước vừa thông báo tiếp tục tổ chức đấu thầu vàng miếng SJC vào ngày 14/5 với tổng khối lượng dự kiến là 16.800 lượng và tỷ lệ đặt cọc 10%. Giá tham chiếu để tính giá trị đặt cọc là 88 triệu đồng/lượng. Khối lượng 1 lô là 100 lượng. Đáng chú ý, khối lượng đấu thầu tối thiểu là 5 lô, tương đương 500 lượng, giảm 200 lượng so với phiên đấu thầu gần nhất (ngày 8/5 khối lượng đấu thầu tối thiểu 700 lượng). Ngoài ra, khối lượng đấu thầu tối đa một thành viên được phép đặt thầu tăng mạnh từ 20 lô (2.000 lượng) lên 40 lô (4.000 lượng). Bước giá dự thầu 10.000 đồng/lượng. Bước khối lượng dự thầu 1 lô (100 lượng). Mỗi thành viên dự thầu chỉ được đăng ký 1 mức giá tối thiểu bằng hoặc cao hơn giá sàn do NHNN công bố. Trên thị trường, giá vàng SJC những ngày gần đây biến động dữ dội. Sau khi tăng vọt lên đỉnh lịch sử 92,5 triệu đồng/lượng ngày 10/5, giá vàng SJC quay đầu lao dốc về 88 triệu đồng/lượng trong sáng 13/5. Tuy nhiên không lâu sau đó, giá vàng SJC lại đảo chiều hồi phục lên trên 90 triệu đồng/lượng. Hiện giá mua vào SJC của các doanh nghiệp kinh doanh vàng phổ biến ở mức 87,5 triệu đồng/lượng, trong khi giá bán ra khoảng 90 triệu đồng/lượng.

**Gia Lai chật vật giải ngân vốn đầu tư công**

Gia Lai đang gặp khó khăn trong việc giải ngân vốn đầu tư công hai năm liên tiếp, ảnh hưởng đến tiến độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tính đến 12/4/2024, Gia Lai mới chỉ giải ngân được trên 337 tỷ đồng vốn đầu tư công, đạt 8,85% kế hoạch, trong khi tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 là hơn 3.800 tỷ đồng. Nhiều dự án trọng điểm chậm tiến độ do vướng mắc về mặt bằng; thiếu vốn đối ứng từ nguồn tiền sử dụng đất năm 2024; vốn kéo dài từ năm 2023 sang 2024 vẫn chưa được phê duyệt. Điển hình là Dự án đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19) với tổng mức đầu tư 1.200 tỷ đồng đang gặp phải vướng mắc về mặt bằng và thiếu đất san lấp, tiến độ thi công dự án đang bị chậm trễ, ảnh hưởng đến mục tiêu hoàn thành vào giữa năm 2025.



## TIN DOANH NGHIỆP

### Cổ đông VPBank nhận cổ tức tiền mặt 10% ngay trong tháng 5

VPBank sẽ trả cổ tức bằng tiền mặt vào ngày 31/5/2024, với tỷ lệ chi trả là 10%. Số tiền dự kiến để chia cổ tức là 7.934 tỷ đồng. Năm 2024, VPBank không có kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhưng vẫn sẽ tăng vốn điều lệ thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Trong quý I/2024, VPBank ghi nhận lợi nhuận hợp nhất đạt 4.182 tỷ đồng, tăng 64% so với cùng kỳ nhờ thu nhập lãi thuần phục hồi và chi phí dự phòng rủi ro giảm. Techcombank và MB cũng đã công bố kế hoạch trả cổ tức tiền mặt với tỷ lệ lần lượt là 15% và 5%.

### Dầu khí Nam sông Hậu (PSH) lỗ 2 quý liên tiếp

CTCP Thương mại Dầu khí Nam Sông Hậu (PSH) báo lỗ sau thuế 29,3 tỷ đồng trong quý đầu năm 2024, trong khi cùng kỳ năm trước công ty lãi xấp xỉ 199 tỷ đồng. Kế hoạch kinh doanh được PSH công bố trong báo cáo thường niên khi đặt mục tiêu doanh thu thuần 14.566 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng gấp 7 lần từ 47 tỷ đồng lên 327 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết quả quý 1/2024 mới hoàn thành 3,3% chỉ tiêu doanh thu cả năm, trong khi khoản lỗ khiến việc hoàn thành mục tiêu lãi trở nên khó khăn hơn. Cổ phiếu PSH đã bị Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM đưa vào diện cảnh báo đầu tháng 05.

### Dự án Dung Quất 2 của Tập đoàn Hoà Phát có thể hoạt động từ cuối năm nay

Tập đoàn Hoà Phát đang triển khai giai đoạn 1 của Dự án Dung Quất 2 với tổng mức đầu tư lên đến 85.000 tỷ đồng. Dự nợ vay của tập đoàn này đã tăng vọt hơn 18% so với đầu năm, lên hơn 77.000 tỷ đồng, đây là mức dự nợ vay cao nhất lịch sử của Tập đoàn Hoà Phát. Dự án Dung Quất 2 có tổng công suất thiết kế đạt 5,6 triệu tấn thép/năm, bao gồm 4,6 triệu tấn thép cuộn cán nóng (HRC) và 1 triệu tấn thép đặc biệt. Sau khi đi vào hoạt động toàn bộ từ cuối năm 2025, dự án này có thể đóng góp thêm 4 tỷ USD doanh thu cho Tập đoàn Hoà Phát.

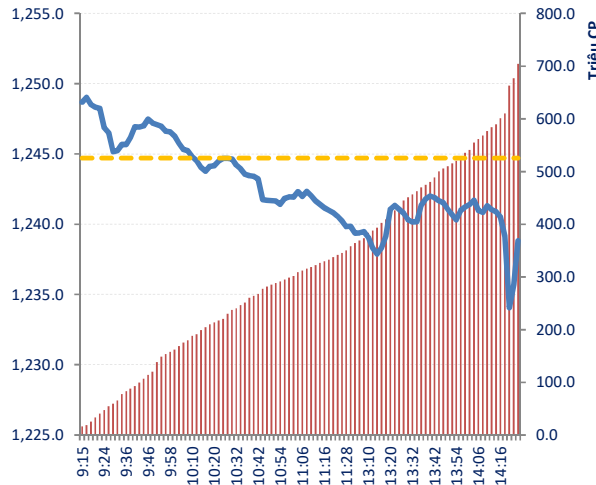
### SSI muốn vay hạn mức 12.3 ngàn tỷ đồng tại BIDV

Công ty Chứng khoán SSI (SSI) vừa phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn trị giá 12,300 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV). HĐQT SSI thông qua việc dùng tài sản đảm bảo thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của Công ty và/hoặc chi nhánh của Công ty để đảm bảo cho mọi nghĩa vụ của Công ty phát sinh tại Ngân hàng. SSI cũng được BIDV cấp hạn mức thấu chi phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh cổ phiếu tối đa 1,000 tỷ đồng. Trong quý 1/2024, SSI ghi nhận doanh thu hoạt động gần 2 ngàn tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 943 tỷ đồng, tăng 33% và 53% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL và AFS quý 1 tăng 21% so với cùng kỳ, tương ứng hơn 130.5 tỷ đồng, nhờ tăng trưởng trong hoạt động đầu tư giấy tờ có giá, trong khi chi phí lãi vay giảm 2%.

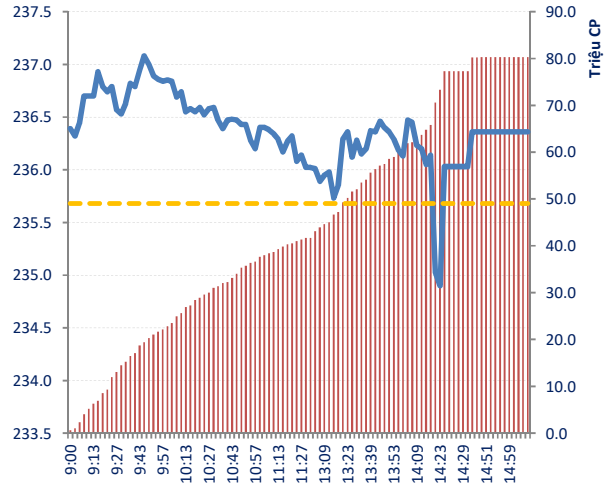


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

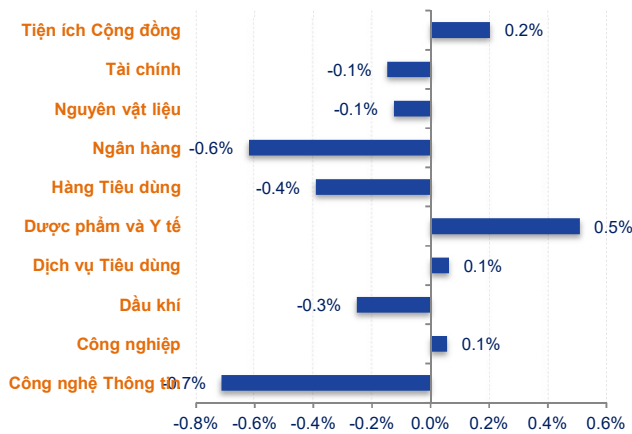
#### KLGD và VN-Index trong phiên



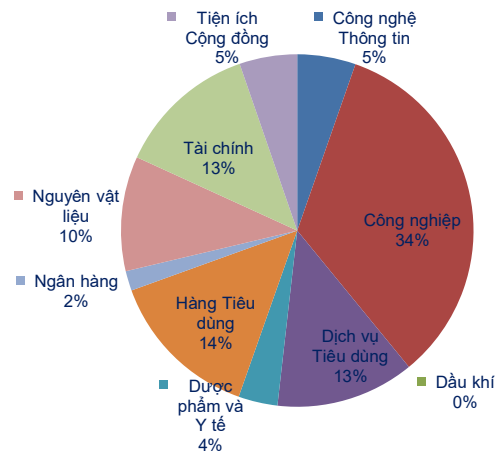
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



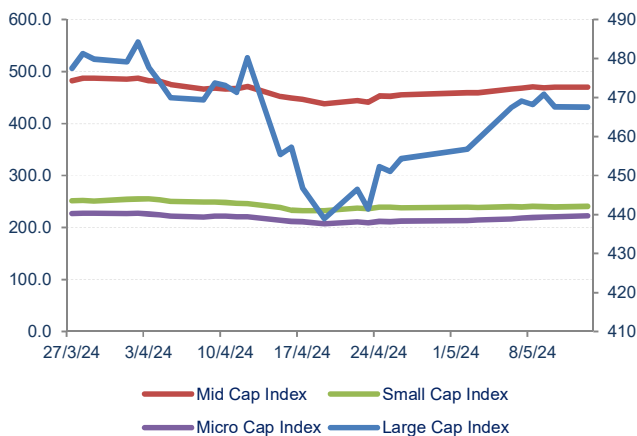
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



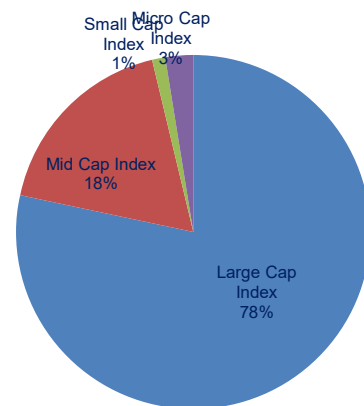
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MWG	2,103,915	VPB	3,977,524	1	CEO	233,500	PVS	1,367,082
2	BAF	1,797,600	CTG	3,330,640	2	IDC	141,720	BVS	535,000
3	HAG	1,179,300	VHM	3,125,000	3	TIG	63,700	VGS	130,000
4	HVN	1,020,100	TCH	2,295,360	4	IDV	19,600	TNG	119,200
5	NKG	826,300	STB	2,031,510	5	VFS	17,200	MBS	74,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
LPB	20.10	19.90	↓ -1.00%	36,870,900	SHS	19.00	19.00	⇒ 0.00%	11,067,444
SHB	11.60	11.65	↑ 0.43%	34,250,800	PVS	43.90	44.10	↑ 0.46%	7,114,501
VPB	18.50	18.80	↑ 1.62%	21,342,400	MBS	28.60	29.00	↑ 1.40%	5,220,161
HAG	13.20	13.70	↑ 3.79%	21,284,600	CEO	18.40	18.50	↑ 0.54%	4,421,489
VIX	17.55	17.55	⇒ 0.00%	17,701,600	TNG	22.40	22.50	↑ 0.45%	3,543,391

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HVH	5.43	5.81	0.38	↑ 7.00%	MCO	22.00	24.20	2.20	↑ 10.00%
BAF	27.90	29.85	1.95	↑ 6.99%	BCF	29.20	32.10	2.90	↑ 9.93%
VOS	12.90	13.80	0.90	↑ 6.98%	VMS	26.30	28.90	2.60	↑ 9.89%
ST8	8.90	9.52	0.62	↑ 6.97%	DPC	6.10	6.70	0.60	↑ 9.84%
APH	9.07	9.70	0.63	↑ 6.95%	IDJ	5.10	5.60	0.50	↑ 9.80%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLW	45.50	42.35	-3.15	↓ -6.92%	L43	2.00	1.80	-0.20	↓ -10.00%
TNA	5.63	5.24	-0.39	↓ -6.93%	ARM	34.90	31.50	-3.40	↓ -9.74%
QCG	16.35	15.25	-1.10	↓ -6.73%	CET	8.30	7.50	-0.80	↓ -9.64%
OPC	25.40	23.80	-1.60	↓ -6.30%	CAG	12.60	11.40	-1.20	↓ -9.52%
SRF	9.66	9.06	-0.60	↓ -6.21%	VNC	42.60	39.30	-3.30	↓ -7.75%

(\*) Giá điều chỉnh



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	36,870,900	21.6%	2,914	6.9	1.4
SHB	34,250,800	15.6%	2,152	5.4	0.8
VPB	21,342,400	8.9%	1,525	12.1	1.0
HAG	21,284,600	26.6%	1,746	7.6	1.7
VIX	17,701,600	12.8%	1,670	10.5	1.3

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	11,067,444	5.7%	688	27.6	1.4
PVS	7,114,501	7.1%	1,992	22.0	1.5
MBS	5,220,161	13.0%	1,475	19.4	2.4
CEO	4,421,489	2.8%	365	50.5	1.5
TNG	3,543,391	12.5%	1,981	11.3	1.4

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HVH	↑ 7.0%	3.9%	468	11.6	0.4
BAF	↑ 7.0%	7.0%	950	29.4	2.0
VOS	↑ 7.0%	9.5%	1,120	11.5	1.0
ST8	↑ 7.0%	1.4%	144	61.7	0.8
APH	↑ 6.9%	1.4%	346	26.2	0.4

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MCO	↑ 10.0%	0.8%	97	225.8	1.7
BCF	↑ 9.9%	19.8%	2,261	12.9	2.5
VMS	↑ 9.9%	11.3%	1,862	14.1	1.5
DPC	↑ 9.8%	-25.0%	(3,176)	-	0.5
IDJ	↑ 9.8%	5.0%	584	8.7	0.4

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	2,103,915	4.4%	717	82.2	3.3
BAF	1,797,600	7.0%	950	29.4	2.0
HAG	1,179,300	26.6%	1,746	7.6	1.7
HVN	1,020,100	0.0%	(642)	-	-
NKG	826,300	5.9%	1,222	19.6	1.1

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	233,500	2.8%	365	50.5	1.5
IDC	141,720	31.7%	5,880	10.6	3.2
TIG	63,700	10.3%	1,386	9.4	1.0
IDV	19,600	20.8%	4,604	8.2	1.7
VFS	17,200	7.8%	1,013	19.2	1.6

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	514,196	20.0%	5,838	15.8	3.0
BID	279,606	18.1%	3,841	12.8	2.2
HPG	177,060	9.2%	1,601	19.0	1.7
CTG	176,404	16.2%	3,751	8.8	1.4
VHM	175,699	12.1%	5,074	8.0	0.9

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	20,983	7.1%	1,992	22.0	1.5
IDC	20,493	31.7%	5,880	10.6	3.2
SHS	15,450	5.7%	688	27.6	1.4
HUT	15,351	0.7%	97	176.8	1.4
THD	13,783	2.5%	395	90.7	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSH	2.62	-9.6%	(1,295)	-	0.5
KSB	2.50	3.6%	1,008	21.8	1.0
PDR	2.30	7.8%	1,024	24.6	1.9
GEX	2.12	2.5%	625	34.7	0.9
DIG	2.08	-0.3%	(38)	-	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

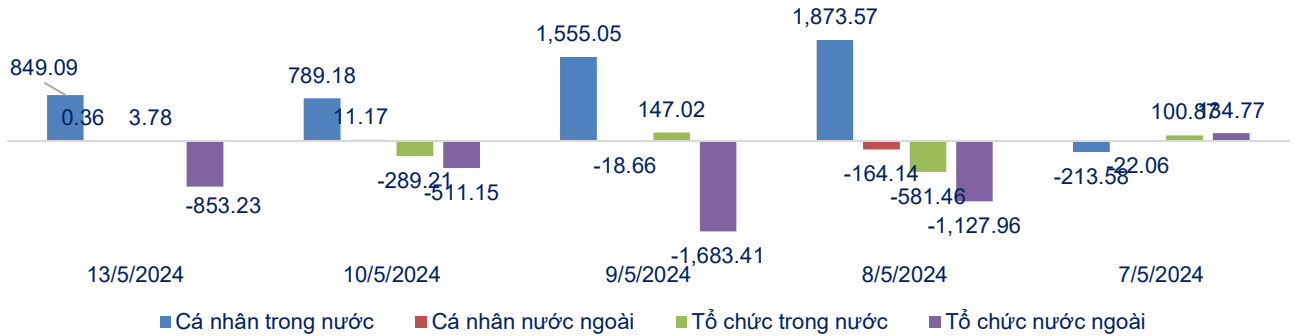
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
MCO	4.04	0.8%	97	225.8	1.7
HKT	2.93	1.6%	185	23.3	0.4
VGS	2.86	6.0%	1,098	27.4	1.6
VC7	2.86	5.5%	643	18.7	1.1
VC2	2.79	2.0%	273	32.3	0.7





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	113.35	12.1%	5,074	8.0	0.9
CTG	108.01	16.2%	3,751	8.8	1.4
STB	101.80	17.7%	4,206	6.6	1.1
HAH	99.73	10.3%	2,978	14.2	1.4
VPB	76.32	8.9%	1,525	12.1	1.0

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-154.19	4.4%	717	82.2	3.3
NTL	-38.07	28.8%	6,062	7.4	1.9
SSI	-32.20	11.1%	1,703	20.8	2.2
TCB	-32.11	15.2%	5,606	8.7	1.2
BAF	-29.09	7.0%	950	29.4	2.0

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	4.13	2.5%	625	34.7	0.9
PVD	3.62	4.5%	1,198	26.8	1.2
FUEVFNVD	2.21	N/A	N/A	N/A	N/A
TCB	2.21	15.2%	5,606	8.7	1.2
HPG	1.59	9.2%	1,601	19.0	1.7

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-10.28	12.1%	5,074	8.0	0.9
HSG	-3.18	8.1%	1,423	14.5	1.1
HDC	-2.89	5.3%	740	39.1	2.0
MWG	-2.49	4.4%	717	82.2	3.3
TCH	-1.30	7.0%	1,252	14.9	1.0

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	43.01	11.1%	1,703	20.8	2.2
NTL	37.34	28.8%	6,062	7.4	1.9
MWG	30.87	4.4%	717	82.2	3.3
VIB	27.73	23.0%	3,317	6.5	1.4
PC1	23.34	2.8%	651	40.9	1.1

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HAH	-99.33	10.3%	2,978	14.2	1.4
STB	-45.93	17.7%	4,206	6.6	1.1
VCB	-28.64	20.0%	5,838	15.8	3.0
DGC	-24.06	24.6%	7,884	15.7	3.8
BAF	-22.82	7.0%	950	29.4	2.0

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	125.81	4.4%	717	82.2	3.3
BAF	51.71	7.0%	950	29.4	2.0
HVN	20.88	0.0%	(642)	-	-
NKG	19.98	5.9%	1,222	19.6	1.1
HAG	16.95	26.6%	1,746	7.6	1.7

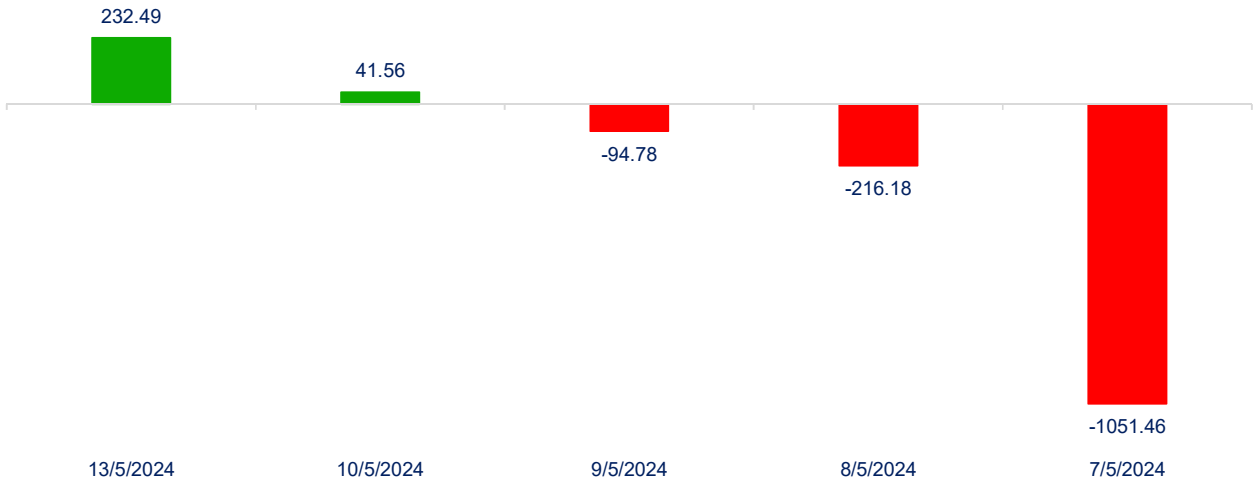
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-114.78	12.1%	5,074	8.0	0.9
CTG	-108.24	16.2%	3,751	8.8	1.4
VPB	-74.18	8.9%	1,525	12.1	1.0
STB	-55.89	17.7%	4,206	6.6	1.1
HDB	-47.92	24.7%	3,832	6.2	1.4

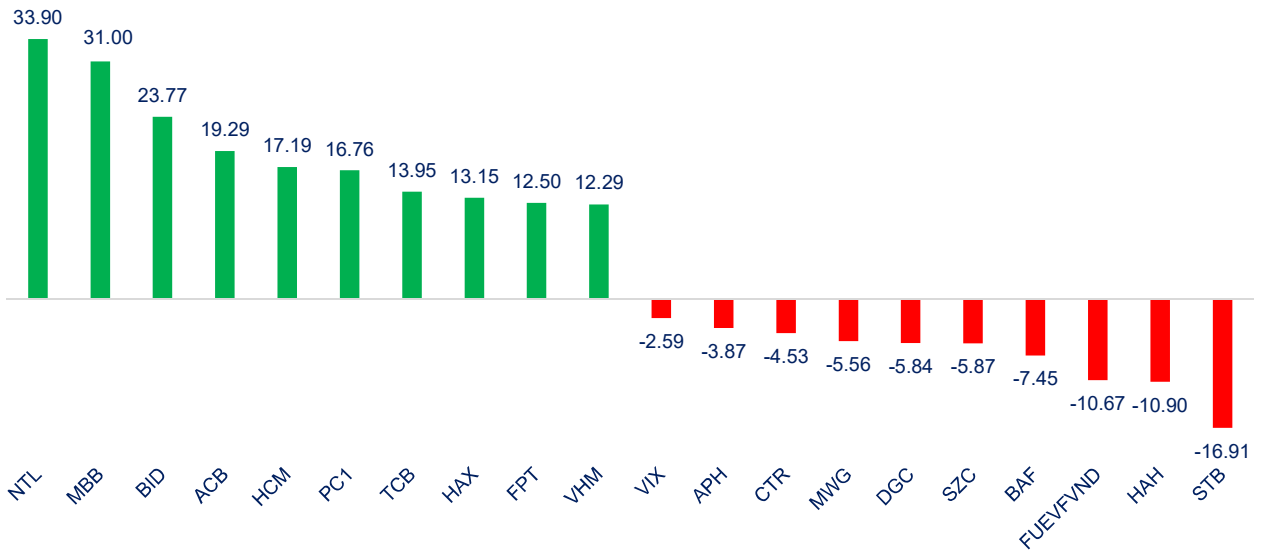


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)